

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26-4-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quang Sơn và bà Trần Thị Ngọc;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Quý;

Ngày 26 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐ-HNGĐ ngày 22/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Mã Thị Kim L**, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh B

- Bị đơn: Ông **Lê Văn H1**, sinh năm: 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Nguyên đơn bà Mã Thị Kim L trình bày: Bà và ông H1 sống chung với nhau năm 1998, đến ngày 06/12/2002 cả hai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc. Trong quá trình chung sống ông bà hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, cả hai thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã nhau, ông H1 thường xuyên ghen tuông, chửi bới và đánh đập bà. Nay bà không còn tình cảm với ông H1 nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông H1

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông H1 có 04 con chung là Lê Thị Cẩm T1, sinh ngày 11/12/1999; Lê Thị Cẩm T2, sinh ngày 12/01/2007; Lê Thị Cẩm T3, sinh ngày 04/11/2009; Lê Thị Cẩm T4, sinh ngày 04/01/2013. Con chung Lê Thị Cẩm T1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết.

Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Lê Thị Cẩm T2, Lê Thị Cẩm T3, Lê Thị Cẩm T4, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Văn H1 trình bày: Bà và ông H1 sống chung với nhau năm 1998, đến ngày 06/12/2002 cả hai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc. Trong quá trình chung sống bà L không có sự thông cảm chia sẻ với ông trong công việc, gần đây còn có nhiều tin đồn rằng bà L ngoại tình với người đàn ông khác. Ông thừa nhận ông có đánh bà L nhưng do bà L thường xuyên tụ tập bạn bè, ham chơi, khi ông góp ý thì bà L đánh ông, nên ông đã phản ứng lại và đánh bà L. Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L vì ông muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà L có 04 con chung là Lê Thị Cẩm T1, sinh ngày 11/12/1999; Lê Thị Cẩm T2, sinh ngày 12/01/2007; Lê Thị Cẩm T3, sinh ngày 04/11/2009; Lê Thị Cẩm T4, sinh ngày 04/01/2013.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà L ly hôn thì ông thống nhất với đề nghị của bà L về con chung. Giao các con chung Lê Thị Cẩm T2, Lê Thị Cẩm T3, Lê Thị Cẩm T4 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Lê Thị Cẩm T1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, bà Mã Thị Kim L được ly hôn với ông Lê Văn H1. Công nhận sự thỏa thuận của ông H1 và bà L về con chung, giao các con chung Lê Thị Cẩm T2, Lê Thị Cẩm T3, Lê Thị Cẩm T4 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện

kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Mã Thị Kim L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn H1 và yêu cầu được nuôi các con chung, nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Văn H1 có nơi cư trú tại Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh B, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông H1 và bà L đăng ký kết hôn ngày 06/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc trên cơ sở tự nguyện. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận trong quá trình sống chung các bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và đánh nhau. Tại phiên hòa giải ngày 12/01/2021 bị đơn đã đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ và cho cả hai có thời gian để hàn gắn, tuy nhiên, sau đó ông H1 và bà L lại tiếp tục mâu thuẫn và đánh nhau.

Tại phiên tòa bà L khẳng định không còn tình cảm với ông H1 nữa và kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H1. Bản thân ông H1 cũng không đưa ra được phương án để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông H1 thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông H1.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông H1 có 04 con chung là Lê Thị Cẩm T1, sinh ngày 11/12/1999; Lê Thị Cẩm T2, sinh ngày 12/01/2007; Lê Thị Cẩm T3, sinh ngày 04/11/2009; Lê Thị Cẩm T4, sinh ngày 04/01/2013.

Con chung Lê Thị Cẩm T1 các đương sự không yêu cầu giải quyết vì đã trưởng thành và có khả năng lao động nên HĐXX không xem xét.

Bà L yêu cầu được nuôi các con chung Lê Thị Cẩm T2, sinh ngày 12/01/2007; Lê Thị Cẩm T3, sinh ngày 04/11/2009; Lê Thị Cẩm T4, sinh ngày 04/01/2013. Ông H1 đồng ý giao các con chung cho bà L nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận này.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 246 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mã Thị Kim L đối với ông Lê Văn H1 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mã Thị Kim L được ly hôn với ông Lê Văn H1.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung, cụ thể:

Con chung Lê Thị Cẩm T1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Bà Mã Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Lê Thị Cẩm T2, sinh ngày 12/01/2007; Lê Thị Cẩm T3, sinh ngày 04/11/2009 và Lê Thị Cẩm T4, sinh ngày 04/01/2013.

Ông Lê Văn H1 được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Bà Mã Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009371 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

